CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & BẤT ĐỘNG SẢN THÁI BÌNH DƯƠNG
31/21 Khaâu Vaên Caû, P. Hieäp Bình Chaùnh, Q.Thuû Ñöùc, Tp. Hoà Chí Minh
Ñieän thoaïi: 08.37269.701 - Fax: 08.37269.872
Website: www.ppigroup.com.vn – Email: info@ppigroup.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009

Tháng 4 năm 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1.Tóm tắt quá trình hình thành Công ty.

- Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng & bất động sản Thái Bình Dương (PPI) tiền thân là Chi nhánh Công ty xây dựng công trình 120 phía Nam thuộc Công ty xây dựng công trình 120 (Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1 (Cienco1) - Bộ Giao thông Vận tải), được thành lập theo quyết định số 111/QĐ/TCCB-LĐ ngày 13/4/1994 của Bộ Giao thông Vận tải. Mục tiêu chính của Chi nhánh là thực hiện xây dựng, sửa chữa nâng cấp hệ thống đường sắt tại khu vực phía Nam, từ Nha Trang trở vào TP.HCM và xây dựng hệ thống giao thông tại Đồng Tháp Mười. Sau 2 năm hoạt động cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chi nhánh đã được đầu tư thiết bị thi công đường bộ đáp ứng với nhu cầu phát triển hệ thống giao thông tại miền Nam.

- Ngày 08/01/2003, Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình 120 được đổi thành Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 135 theo QĐ 054/QĐ ngày 08/01/2003 của Bộ Giao thông Vận tải. Cùng với chuyển đổi về tổ chức, Công ty mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, chuyển sang lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản.

- Năm 2004 Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 3204/QĐ-BGTVT ngày 27/10/2004 chuyển Công ty Xây dựng Công trình giao thông 135 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I thành công ty cổ phần.

- Năm 2005, Công ty đã chuyển đổi hệ thống tổ chức theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các đội sản xuất được chuyển thành Xí nghiệp và Công ty cổ phần (hoạt động theo luật doanh nghiệp) đã tạo điều kiện chủ động và nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

- Xuất phát từ việc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh nhằm phù hợp với định hướng phát triển mới theo quyết nghị Đại hội đồng cổ đông về định hướng chiến lược về phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập, bảo đảm khai thác tối ưu các nguồn lực của Công ty và các doanh nghiệp thành viên, phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy mô ngành nghề trong hoạt động thực tiễn, đồng thời đem lại những lợi ích hài hòa thiết thực cho tất cả cổ đông, khách hàng, đối tác và tập thể cán bộ nhân viên Công ty.

-Từ ngày 01/01/2010 Công ty đã đổi tên doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 135" thành: "Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng & bất động sản Thái Bình Dương" theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0303414496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 25/12/2009, việc đổi tên doanh nghiệp nhằm nâng cao vị thế của Công ty và phù hợp với định hướng phát triển mới.

Giới thiệu chung về Công ty.

-Tên gọi Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & BẤT ĐỘNG SẢN THÁI BÌNH DƯƠNG.**

-Tên tiếng Anh: **PACIFIC PROPERTY & INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên giao dịch viết tắt: PPI JSC.

- Địa chỉ: 31/21 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức,Tp.HCM

- Điện thoại: (84.8) 3 7269 701 Fax: (84.8) 37269 872

- Website:www.ppigroup.com.vn Email: info@ ppigroup.com.vn

- Mã số thuế: 0303614496.

Logo:

PACIFIC PROPERTY & INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

2. Quá trình phát triển Công ty.

Vốn điều lệ đăng ký: 150.000.000.000 đồng (Trong đó, vốn thực góp đến ngày 31/12/2009 là: 100.147.530.000 đồng).

Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

Đơn vị: Triệu đồng

Thời điểm	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)
Khi thành lập (tháng 12/2004) Cổ phần hóa Doanh nghiệp			15.000
Lần 1: 03/2007	10.000	Chào bán riêng lẻ theo Quyết định số 40/QĐ-HĐCĐ-2007 ngày 7/3/2007	25.000
Lần 2: 05/2007	35.000	Chào bán riêng lẻ theo NQĐHCĐ số 144/NQ-HĐCĐ-2007 ngày 26/5/2007	60.000
Lần 3: 12/2007	30.000	Chào bán riêng lẻ theo NQĐHCĐ số 937/NQ-HĐCĐ-2007 ngày 11/12/2007	90.000
Lần 4: 12/2008 (giai đoạn1)	10.147,53	Chào bán riêng lẻ theo NQĐHCĐ số 01/NQHĐCĐ-08 ngày 30/5/2008 và NQHĐQT số 555/NQ.HĐQT ngày 02/07/2008	100.147,53

- Các lĩnh vực kinh doanh được cấp phép bao gồm:

Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước.

Đầu tư xây dựng các công trình theo hình thức BT, BOT.

Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư, Khu công nghiệp, Khu đô thị.

Xuất nhập khẩu các mặt hàng của Công ty sản xuất kinh doanh.

Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ giao thông vận tải.

Thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng.

Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu: Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trên các lĩnh vực.

- Xây dựng các công trình giao thông.

- Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

Tình hình kinh doanh chung.

-Trong suốt gần 5 năm qua, kể từ khi cổ phần hóa, doanh thu của PPI liên tục phát triển với mức tăng trưởng bình quân hàng năm hơn 50%. Năm 2007 doanh thu PPI đạt 165 tỷ đồng. Đến hết năm 2008, doanh thu đạt 270 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 26 tỷ đồng. Năm 2009, doanh thu đạt 277 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế đạt 38 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 32 tỷ đồng.Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế trong vòng 03 năm trở lại đây lần lượt là 1,57 lần và 1,62 lần….

Ngành nghề kinh doanh chính:

A. Xây dựng cầu đường

-Xây dựng cầu đường là lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Công ty với trên 40 năm kinh nghiệm. Cienco 1 mà PPI là một thành viên được biết đến như một thương hiệu hàng đầu của Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực xây dựng cầu đường. Công ty đã tham gia thi công nhiều dự án quan trọng như quốc lộ (QL) 1A, QL51, QL54, QL14, QL62, QL20, QL2…, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, cao tốc Tp. HCM - Trung Lương, cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đường sắt Thống Nhất, cầu ông Lãnh - Tp. HCM, các đường địa phương ở tỉnh Long An, Đồng Tháp, Bình Dương, Lâm Đồng…

-Trước tình hình thị trường bất động sản có khó khăn, trầm lắng do khủng hoảng kinh tế, trong năm 2008 và 2009, Công ty cũng đã linh hoạt chuyển hướng mạnh đến lĩnh vực xây dựng cầu đường. Lĩnh vực này hiện đang được Chính phủ tập trung nhiều vốn để kích cầu để phát triển hạ tầng kinh tế đất nước.

-Với đội ngũ quản lý và công nhân có nhiều năm kinh nghiệm đã từng tham gia các dự án trọng điểm nên các sản phẩm kinh doanh xây lắp của công ty được các chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ. Lĩnh vực này mặc dù lợi nhuận không tăng đột biến nhưng ổn định vì khách hàng thường là các Ban quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước nên doanh thu được đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững. Bên cạnh đó, với nhu cầu gia tăng trong việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông và cơ sở hạ tầng, đặc biệt là khu vực Nam Bộ cho thấy khả năng hoạt động xây dựng cầu đường của công ty sẽ ngày càng phát triển trong thời gian tới, tiến tới việc tổng thầu các dự án BT, BOT về giao thông.

B. Đầu tư, kinh doanh bất động sản

-Sau khi cổ phần hóa, với chiến lược mở rộng nghành nghề kinh doanh nên ngoài lĩnh vực truyền thống là xây dựng cầu đường, công ty đã chuyển sang lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản. Với lợi thế là một công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng nên công ty đảm nhận phần xây dựng hạ tầng trong các dự án, từ đó giảm thiểu chi phí, tăng lợi nhuận của từng dự án.

-Trong năm 2007, do thị trường bất động sản phát triển nóng nên hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty đạt được kết quả kinh doanh rất tốt. Công ty đã thành công trong hai dự án KDC, đô thị: KDC Vĩnh Phú 2 - huyện Thuận An - tỉnh Bình Dương với quy mô 47,47ha, tổng mức đầu tư 340 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 42,86 tỷ đồng; KDC TT thị trấn Bến Lức (giai đoạn 1) -tỉnh Long An, với quy mô 27,82ha, tổng mức đầu tư 255 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế

80 tỷ đồng. Sang năm 2008 và năm 2009 , do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thị trường tài chính và thị trường bất động sản đóng băng nên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu lựa chọn những dự án bất động sản có tính khả thi cao và kết hợp sự linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo các chỉ tiêu ổn định về doanh thu và lợi nhuận.

-Sau các dự án, đội ngũ nhân viên của công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về thủ tục đầu tư về quản lý kinh doanh nhằm tăng hiệu quả đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Các dự án của công ty đều được nghiên cứu kỹ, có vị trí thuận lợi về hạ tầng nên có tính khả thi cao.

-Ngoài các dự án có phân khúc trung bình (tập trung cho đối tượng là nhóm khách hàng có thu nhập trung bình), công ty đang hợp tác với các nhà tư vấn từ Australia, Singapore, Malaysia để có những sản phẩm chất lượng cao và học hỏi kinh nghiệm quản lý tiên tiến từ họ. Từ sau năm 2008 Công ty đã khởi động dự án chung cư cao tầng ở các vị trí rất phát triển như: Chung cư cao tầng đường 18 (Newtown Apartment) - phường Hiệp Bình Chánh - quận Thủ Đức với quy mô 16 tầng, tổng mức đầu tư 138 tỷ đồng; cao ốc văn phòng và căn hộ PPI Tower - KP9 - phường Hiệp Bình Chánh - quận Thủ Đức, quy mô 15 tầng, tổng mức đầu tư 296 tỷ đồng và đang chuẩn bị đầu tư một khu phức hợp dịch vụ thương mại và căn hộ cao cấp ven sông Sài Gòn (Water Garden Apartment) với quy mô 17.324m2, tổng mức đầu tư dự kiến 1.005 tỷ đồng.

3. Định hướng phát triển :

a) Thương hiệu vững mạnh trong xây dựng giao thông.

-Hiện tại, thương hiệu PPI (trước đây là Cecico 135) là một trong những thương hiệu mạnh trên các lĩnh vực xây dựng cầu đường. Trong những năm tới, chiến lược của Công ty là tiếp tục phát triển, mở rộng các lĩnh vực này nhằm giữ vững vị trí của mình. Tiến tới là Tổng thầu BT, BOT, và các dự án giao thông đô thị lớn. Ngoài ra, Công ty còn nghiên cứu để chuyển giao công nghệ thi công hầm nhằm đón đầu các dự án Metro.

b)Khẳng định và phát triển lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản.

-..Tiếp tục triển khai các dự án đang thực hiện có khả năng thu hồi vốn nhanh, hiệu quả cao.

-Đầu tư hợp tác kinh doanh các dự án đô thị cao ốc, theo từng điều kiện cụ thể, khai thác các nguồn lực khác nhau và tiến tới đầu tư các dự án lớn có khả năng sinh lời cao.

- Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức đầu tư dự án, phương thức kinh doanh.

II. BÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Những nét nổi bật trong năm 2009

Năm 2009, PPI thực hiện vượt các chỉ tiêu đề ra, đưa Công ty vượt qua được khó khăn do khủng hoảng và chuẩn bị tốt cho những năm tiếp theo.

Doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế đều vượt mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã phê chuẩn và đều cao hơn năm trước. Cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 277 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch và tăng 2,32 % so với năm 2008;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 38 tỷ đồng, đạt 181% kế hoạch và tăng 45,79 % so với năm 2008;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 32 tỷ đồng, đạt 206% kế hoạch và tăng 62,25% so với năm 2008;

- Đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2010 là 8% /mệnh giá;

- Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên được nâng cao so với năm trước. Thu nhập bình quân của một lao động năm 2009 là 5,2 triệu đồng/người/tháng.

Bên cạnh đó, năm 2009 vừa qua cũng đã chứng kiến hai sự kiện nổi bật của Công ty:

Một là: PPI đã trở thành công ty đại chúng và Công ty đã thực hiện các bước tiếp theo để niêm yết cổ phiếu PPI trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, chính thức đánh dấu sự tham gia của PPI vào thị trường chứng khoán Việt Nam; qua đó hoạt động sản xuất kinh doanh, chính sách tài chính của Công ty được thực hiện một cách công khai, minh bạch.

Hai là: Xuất phát từ việc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh nhằm đẩy mạnh hoạt động vào đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông và kinh doanh các dự án bất động sản, Công ty đã chính thức chuyển đổi tên và thương hiệu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 135 (CECICO135) thành Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương (PPI). Việc chuyển đổi thương hiệu thể hiện vị thế của Công ty và phù hợp với định hướng phát triển mới.

Năm 2010, kinh tế Việt Nam đã vượt qua giai đoạn khủng hoảng. Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5% và tỷ lệ lạm phát dưới 7% dựa vào những lạc quan về sự phục hồi kinh tế toàn cầu. Gói kích cầu của Chính phủ (trung hạn) vẫn tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, chính sách tín dụng năm nay vẫn ảnh hưởng nhiều từ những biện pháp kiềm chế lạm phát của Chính phủ, vì vậy lĩnh vực sản xuất kinh doanh sẽ không thể tăng trưởng nhiều. Dù vậy, vẫn có thể thấy hình ảnh của thị trường bất động sản năm 2010 sáng sủa hơn ở phân khúc thị trường chung cư cùng với sự khởi sắc của nhu cầu văn phòng ở những vị trí tốt.

Do đó, trong năm 2010 Công ty sẽ tập trung vào các dự án trọng điểm sau: Chung cư đường 18 (Newtown Apartment), PPI Tower khu phố 9 Hiệp Bình Chánh, Khu phức hợp ven sông Sài Gòn, và Khu dân cư chợ mới Bến Lức. Các dự án trọng điểm này có tổng mức đầu tư trong năm 2010 khoảng trên 340 tỷ đồng.

Về đầu tư hạ tầng giao thông, theo danh mục các dự án kết cấu hạ tầng giao thông thiết yếu đã được Chính phủ phê duyệt thì từ nay đến năm 2020, dự kiến tổng mức đầu tư cần huy động là 67,5 tỷ USD cho các dự án giao thông. Hàng loạt dự án lớn đã khởi động trong năm 2009 từ gói kích cầu gần 17.000 tỷ đồng và sẽ bước vào giai đoạn thi công quyết liệt trong năm 2010. Do đó, giải ngân cho lĩnh vực giao thông trong năm 2010 dự báo sẽ tăng khoảng 20% - 30% so với năm trước.

Trong năm nay, Công ty đã trúng thầu các công trình giao thông trọng điểm như: đường ĐT 838 đoạn Km 11 – Km 22, gói thầu số 1 đường ĐT 839 Km 0+860 – Km 13+0; đường ĐT 742 Km 11+118 – Km 24+060 (vốn World Bank), gói thầu NH54-1 dự án nâng cấp quốc lộ 54 (vốn World Bank)...

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Báo cáo tài chính: Về doanh thu và lợi nhuận:

đvt: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	
			Giá trị	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	257	277	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	21	38	181%
3	Lợi nhuận sau thuế	15,5	32	206%
4	Cổ tức	12%	15%	125%

1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo bảng cân đối kế toán:

đvt: triệu đồng

Tài sản	Thời điểm 31/12/2009	Thời điểm 31/12/2008	Tỷ lệ so với 31/12/2008
Tổng tài sản	**519.332**	**421.598**	**117%**
A. Tài sản ngắn hạn	464.805	356.630	117%
B. Tài sản dài hạn	54.527	64.968	115%
Tổng nguồn vốn	**519.332**	**421.598**	**117%**
A. Nợ phải trả	287.998	233.781	113%
I. Nợ ngắn hạn	258.646	225.910	104%
II. Nợ dài hạn	29.352	7.871	354%
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	231.334	187.816	123%
I. Vốn chủ sở hữu	230.820	187.672	122%
1. Vốn điều lệ	100.148	100.148	100%
2. Thặng dư vốn cổ phần	64.808	64.808	100%
3. Các quỹ	7.652	4.545	168%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.674	5.282	448%
5. Vốn khác của chủ sở hữu	33.538	12.888	260%
II. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	514	143	359%

2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo báo cáo kết quả kinh doanh:

TT	CHỈ TIÊU	2009	2008
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	277.031.112.960	270.754.201.984
2	Giá vốn hàng bán	229.312.351.634	245.408.089.078
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.718.761.326	25.346.112.906
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4.228.016.838	5.659.097.676
5	Chi phí tài chính	7.976.754.745	2.908.932.159
6	Chi phí bán hàng	1.174.903.176	816.483.711
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.730.394.344	4.255.664.372
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.064.725.899	23.024.130.340
9	Thu nhập khác	5.175.492.090	8.888.165.230
10	Chi phí khác	4.071.416.675	6.744.434.197
11	Lợi nhuận khác	1.104.075.415	2.143.731.033
12	Thu nhập từ công ty liên doanh, liên kết	1.013.295.633	1.021.291.694
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.182.096.947	26.189.153.067
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.032.837.448	6.374.321.415
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.149.259.499	19.814.831.652

CHỈ TIÊU	2009	2008
1. Cơ cấu tài sản (%):		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	10,50%	10,04%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	89,50%	89,96%
2. Cơ cấu nguồn vốn (%):		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	55,46%	57,54%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	44,54%	42,46%
3. Khả năng thanh toán (lần)		
- Khả năng thanh toán nhanh	0,03 lần	0,11 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành	1,80 lần	1,72 lần
4. Tỷ suất lợi nhuận (%)		
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,19%	4,46%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,60%	7,32%
- Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	13,93%	10,51%

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 10.014.753 cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông: 10.014.753 cổ phiếu
- Cổ phiếu Quỹ: : 0 cổ phiếu

Trong năm đã tạm ứng cổ tức lần một cho năm 2009 là 8% mệnh giá cổ phần với tổng số tiền 8.011.802.400 đồng

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Theo báo cáo trên, tuy hình kinh tế khó khăn nhưng Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh khả quan, tạo tiền đề thuận lợi và lạc quan cho tương lai sắp tới, qua đó khẳng định những bước đi bền vững và đúng đắn của doanh nghiệp.

3. Những tiến bộ công ty đạt được:

- Lợi nhuận và doanh thu đều đạt cao hơn năm trước. Các chỉ tiêu tài chính để phát triển tích cực và khả quan.

- Tỷ lệ chia cổ tức đều giữ vững và có mức tăng trưởng tốt.

- Thương hiệu ngày càng được khẳng định.

- Đời sống cán bộ nhân viên không ngừng được nâng cao. Công ty đã tổ chức sắp xếp tổ chức nhân sự hợp lý nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài, nâng cao năng suất lao động, tạo hứng khởi trong làm việc. Hàng năm, Công ty đều dành ngân sách cho đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng trong năm 2010.

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước với tỷ lệ phần đấu là 20%.

- Nâng cao năng lực tài chính song song với việc không ngừng cải tiến qui trình sản xuất, nghiên cứu và phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo ra những dòng sản phẩm mang thương hiệu PPI.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2009	So sánh
1	Tổng doanh thu	450	277	162%
2	Lợi nhuận sau thuế	39	32	122%
3	Cổ tức dự kiến	18%	15%	120%

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

A. Báo cáo tài chính trước hợp nhất:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	*Mã số*	*Thuyết minh*	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**418.659.858.093**	**356.629.511.247**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***		***7.867.585.245***	***25.553.370.949***
1. Tiền	111	3	7.867.585.245	25.553.370.949
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***	4	***1.656.034.100***	***6.676.522.800***
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.680.000.000	9.728.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.023.965.900)	(3.051.477.200)
III. Các khoản phải thu	***130***		***231.268.251.561***	***182.048.000.233***
1. Phải thu của khách hàng	131		157.467.172.140	144.119.740.615
2. Trả trước cho người bán	132		63.493.289.187	37.753.076.854
3. Các khoản phải thu khác	135		10.307.790.234	175.182.764
IV. Hàng tồn kho	***140***		***143.874.570.911***	***122.664.366.853***
1. Hàng tồn kho	140	5	143.874.570.911	122.664.366.853
V. Tài sản ngắn hạn khác	***150***		***33.993.416.276***	***19.687.250.412***
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	12.687.566
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.864.763.105	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	31.128.653.171	19.674.562.846
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**74.912.600.600**	**64.968.116.964**
I. Tài sản cố định	***220***		***39.359.641.014***	***34.726.816.281***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	*34.589.841.014*	10.293.602.830
- Nguyên giá	222		37.660.834.504	11.931.801.722

TÀI SẢN	*Mã số*	*Thuyết minh*	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.070.993.490)	(1.638.198.892)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	4.769.800.000	4.769.800.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	-	19.663.413.451
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	***250***		***33.142.266.682***	***29.169.632.859***
1. Đầu tư vào công ty con	251	10 a	24.882.593.827	21.172.172.909
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10 b	8.259.672.855	7.997.459.950
III. Tài sản dài hạn khác	***260***		***2.410.692.904***	***1.071.667.824***
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.410.692.904	1.071.667.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**493.572.458.693**	**421.597.628.211**

NGUỒN VỐN	*Mã số*	*Thuyết minh*	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**263.251.897.403**	**233.781.270.246**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***235.400.022.403***	***225.910.331.923***
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	102.492.981.088	11.686.664.124
2. Phải trả cho người bán	312		29.878.399.631	13.023.068.983
3. Người mua trả tiền trước	313		80.432.745.592	178.971.828.024
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	7.247.361.455	9.850.442.848
5. Phải trả người lao động	315		1.934.959.784	299.420.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	13.413.574.853	12.078.907.944
II. Nợ dài hạn	***330***		***27.851.875.000***	***7.870.938.323***
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	27.851.875.000	7.870.938.323
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	15	**230.320.561.290**	**187.816.357.965**
I. Vốn chủ sở hữu	***410***	***15***	***229.806.093.632***	***187.672.987.842***
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	100.147.530.000	100.147.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	64.808.506.000	64.808.506.000
3. Vốn khác	413	15	33.538.148.384	12.888.313.592
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	5.647.487.275	3.280.087.365
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	2.004.673.064	1.264.591.017
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	23.659.748.909	5.283.959.868
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	***430***		***514.467.658***	***143.370.123***
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	15	514.467.658	143.370.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**493.572.458.693**	**421.597.628.211**

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	Năm nay	năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	277.031.112.960	269.894.029.294
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**277.031.112.960**	**269.894.029.294**
4. Giá vốn hàng bán	11	17	229.312.351.634	244.713.980.123
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**47.718.761.326**	**25.180.049.171**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	4.732.504.993	5.884.803.676
7. Chi phí tài chính	22	19	7.974.514.900	2.908.932.159
- *Trong đó:* Lãi vay phải trả	23		*7.220.775.320*	*421.695.000*
8. Chi phí bán hàng	24	20	1.174.903.176	674.419.976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	6.730.394.344	4.231.664.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**36.571.453.899**	**23.249.836.340**
11. Thu nhập khác	31	22	5.175.492.090	8.479.221.748
12. Chi phí khác	32	23	4.071.416.675	6.335.490.715
13. Lợi nhuận khác	**40**		**1.104.075.415**	**2.143.731.033**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**37.675.529.314**	**25.393.567.373**
15. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	51	24	6.032.837.448	6.374.321.415
16. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**31.642.691.866**	**19.019.245.958**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**3.168**	**2.291**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**37.675.529.314**	**25.393.567.373**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao	02		1.997.663.733	1.133.620.044
- Các khoản dự phòng	03		(2.027.511.300)	2.483.477.200
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.140.692.929)	(5.884.803.676)
- Chi phí lãi vay	06		7.220.775.320	421.695.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**42.725.764.138**	**23.547.555.941**
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(63.269.341.211)	(105.912.124.940)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(1.546.790.607)	68.451.561.745
- Tăng /(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(90.013.402.395)	(37.423.140.717)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(1.326.337.514)	17.888.757
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.220.775.320)	(397.695.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.555.403.822)	(7.954.038.129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.223.264.992	413.669.113
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(692.020.787)	(386.631.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(124.675.042.526)**	**(59.642.954.472)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(29.731.613.146)	(5.874.648.159)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		3.952.227.098	6.543.192.728
3. Tiền chi cho vay,mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay,mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.877.506.823)	(23.347.082.000)
6. Tiền thu góp vốn vào đơn vị khác	26		904.873.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.626.177.060	5.884.803.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(23.125.842.811)**	**(21.793.733.755)**

Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		20.649.834.792	95.565.349.592
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		149.895.069.580	3.027.189.980
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.107.815.939)	(18.110.525.856)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.321.988.800)	(17.179.762.400)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	**40**		**130.115.099.633**	**63.302.251.316**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**(17.685.785.704)**	**(18.134.436.911)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**25.553.370.949**	**43.687.807.860**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	3	**7.867.585.245**	**25.553.370.949**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	742.909.098	304.499.952
Tiền gửi ngân hàng	7.124.676.147	25.248.870.997
Tổng cộng	**7.867.585.245**	**25.553.370.949**

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	**-**	**5.000.000.000**
Đầu tư vào cổ phiếu	**2.680.000.000**	**4.728.000.000**
Cổ phiếu EIB	*660.000.000*	*660.000.000*
Cổ phiếu DPM	-	*1.838.000.000*
Cổ phiếu PVD	-	*875.000.000*
Cổ phiếu SSI	*1.355.000.000*	*1.355.000.000*
Cổ phiếu AAM	*665.000.000*	-
Dự phòng giảm giá cổ phiếu	**(1.023.965.900)**	**(3.051.477.200)**
Cổ phiếu EIB	*(93.115.900)*	*(399.477.200)*
Cổ phiếu DPM	-	*(1.148.000.000)*
Cổ phiếu PVD	-	*(365.000.000)*
Cổ phiếu SSI	*(736.250.000)*	*(1.139.000.000)*
Cổ phiếu AAM	*(194.600.000)*	-
Tổng cộng	**1.656.034.100**	**6.676.522.800**

3. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	16.778.184	16.778.184
Công cụ dụng cụ	35.454.546	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143.822.338.181	122.647.588.669
Các dự án phát triển khu đô thị và căn hộ	*128.213.417.207*	*101.148.951.272*
Các công trình xây dựng giao thông	*15.608.920.974*	*21.498.637.397*
Tổng cộng	**143.874.570.911**	**122.664.366.853**

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Máy móc Thiết bị*	*Phương tiện Vận tải*	*Thiết bị, Dụng cụ Quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	5.918.299.139	248.694.820	5.454.024.109	310.783.654	11.931.801.722
Mua trong kỳ	-	15.471.377.363	14.260.235.783	-	29.731.613.146
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.975.053.091)	(27.527.273)	(4.002.580.364)
Số dư cuối kỳ	5.918.299.139	15.720.072.183	15.739.206.801	283.256.381	37.660.834.504
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	666.119.442	66.473.790	736.365.677	169.239.983	1.638.198.892
Khấu hao trong kỳ	216.123.472	729.636.965	1.004.057.368	47.845.927	1.997.663.732
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(537.341.862)	(27.527.273)	(564.869.135)
Số dư cuối kỳ	882.242.914	796.110.755	1.203.081.183	189.558.638	3.070.993.490
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	5.252.179.697	182.221.030	4.717.658.432	141.543.671	10.293.602.830
Tại ngày cuối kỳ	5.036.056.225	14.923.961.428	14.536.125.618	93.697.743	34.589.841.014

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài nên không tính khấu hao.

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	19.663.413.451
Tổng cộng	**-**	**19.663.413.451**

7 a. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty liên kết	***Tỷ lệ vốn tham gia (%)***	Số vốn góp theo giấy phép	Số vốn đã góp
Công ty cổ phần Indeco	51	153.000.000.000	4.302.200.918
Công ty TNHH XD & Du lịch Mạnh Đạt	62,5	50.000.000.000	20.580.392.909
Tổng cộng		**203.000.000.000**	**24.882.593.827**

7 b. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty liên kết	***Tỷ lệ vốn tham gia (%)***	Số vốn góp theo giấy phép	Số vốn đã góp
Công ty CP XD Công trình Miền Đông	49	2.450.000.000	2.450.000.000
Công ty CP ĐT & PT Hạ tầng Kinh Bắc	49	3.430.000.000	1.536.364.950
Công ty TNHH XDCT Vàm Cỏ Tây	49	2.450.000.000	1.723.307.905
Công ty CPĐT & XD Thái Bình Dương	20	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty CP Thiết kế xây dựng Trí Việt	30	300.000.000	150.000.000
Tổng cộng		**11.030.000.000**	**8.259.672.855**

8. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	**55.802.042.765**	**2.686.664.124**
Vay cá nhân (a)	9.135.000.000	159.474.144
Phạm Hồng Hạnh	*6.960.000000*	-
Phạm Đức Dương	*2.000.000.000*	-
Cá nhân khác	175.000.000	159.474.144
Công ty Tài Chính Cao Su (b)	14.500.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (c)	10.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (d)	5.567.042.765	2.527.189.980
Ngân hàng TMCP Nam Việt (e)	1.600.000.000	-
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Đức (f)	15.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 11)	**46.690.938.323**	**9.000.000.000**
Tổng cộng	**102.492.981.088**	**11.686.664.124**

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.805.904.592	6.384.689.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.398.399.963	3.391.437.652
Thuế thu nhập cá nhân	43.056.900	74.316.000
Tổng cộng	**7.247.361.455**	**9.850.442.848**

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	49.299.328	78.940.546
Bảo hiểm y tế và xã hội	40.508.074	(4.909.148)
Phải trả phải nộp khác (*)	13.323.767.451	12.004.876.546
Tổng cộng	**13.413.574.853**	**12.078.907.944**

(*) Trong đó còn phải trả cổ tức đợt 1 năm 2009 cho các cổ đông là 6.689.813.600 đồng.

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	**74.542.813.323**	**16.870.938.323**
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (a)	*6.690.938.323*	*16.870.938.323*
Công ty tài Chính Cao Su (b)	*46.900.000.000*	-
Ngân hàng NN&PTNT – CN Miền Đông (c)	*5.951.875.000*	-
Ngân hàng Công Thương – CN Thủ Đức (d)	*15.000.000.000*	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	**(46.690.938.323)**	**(9.000.000.000)**
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (a)	*(6.690.938.323)*	*(9.000.000.000)*
Công ty tài Chính Cao Su (b)	*(40.000.000.000)*	-
Tổng cộng	**27.851.875.000**	**7.870.938.323**

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu và các quỹ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	*Nguồn vốn kinh doanh*	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Quỹ khen thưởng phúc lợi*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Số đầu năm nay	**113.035.843.592**	**64.808.506.000**	**3.280.087.365**	**1.264.591.017**	**143.370.123**	**5.283.959.868**	**187.816.357.965**
Tăng vốn khác (a)	20.649.834.792	-	-	-	-	-	20.649.834.792
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	31.642.691.866	31.642.691.866
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.013.487	1.013.487
Trích lập các quỹ	-	-	2.367.399.910	740.082.047	555.061.535	(3.662.543.492)	-
Chi quỹ	-	-	-	-	(183.964.000)	-	(183.964.000)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(186.200.000)	(186.200.000)
Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2009	-	-	-	-	-	(8.011.802.400)	(8.011.802.400)
Chi phí giao tế cho Ban giám đốc	-	-	-	-	-	(633.245.034)	(633.245.034)
Truy thu thuế và nộp phạt thuế (b)	-	-	-	-	-	(774.125.386)	(774.125.386)
Cuối năm nay	**133.685.678.384**	**64.808.506.000**	**5.647.487.275**	**2.004.673.064**	**514.467.658**	**23.659.748.909**	**230.320.561.290**

(b) Theo biên bản quyết toán thuế năm 2007 và 2008.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**100.147.530.000**	**100.147.530.000**
Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông I	*5.250.000.000*	*6.300.000.000*
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức	*17.280.000.000*	*17.280.000.000*
Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt	*7.930.000.000*	*7.680.000.000*
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương	*3.600.000.000*	*3.600.000.000*
Công ty cổ phần Tài chính Cao Su	*5.800.000.000*	*10.800.000.000*
Công ty chứng khoán Sài Gòn (SSI)	*5.100.000.000*	*5.400.000.000*
Cổ đông khác	*55.187.530.000*	*49.087.530.000*
Vốn khác (*)	**33.538.148.384**	**12.888.313.592**
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức	*33.538.148.384*	*12.888.313.592*
Tổng cộng	**133.685.678.384**	**113.035.843.592**
		113.035.843.592

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.014.753	10.014.753
- Cổ phiếu phổ thông	*10.014.753*	*10.014.753*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.014.753	10.014.753
- Cổ phiếu phổ thông	*10.014.753*	*10.014.753*

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu hoạt động đất có hạ tầng	186.166.707.105	188.414.896.879
Doanh thu hoạt động xây lắp	85.532.969.047	81.479.132.415
Doanh thu hoạt động thương mại	5.331.436.808	-
Tổng cộng	**277.031.112.960**	**269.894.029.294**

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá vốn hoạt động đất hạ tầng	142.784.461.775	159.472.720.186
Giá vốn hoạt động xây lắp	81.330.143.197	85.241.259.937
Giá vốn hoạt động thương mại	5.197.746.662	-
Tổng cộng	**229.312.351.634**	**244.713.980.123**

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng	757.945.744	4.970.226.117
Lãi đầu tư từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.579.250.333	578.436.559
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	506.728.000	225.706.000
- Công ty Miền Đông	*367.500.000*	*57.706.000*
- Công ty Thái Bình Dương	*139.228.000*	*168.000.000*
Cổ tức từ đầu tư cổ phiếu	39.553.600	110.435.000
Lãi sử dụng vốn	361.503.316	-
- Công ty Miền Đông	*204.272.899*	-
- Công ty Thái Bình Dương	*157.230.417*	-
Thu nhập từ việc bán cổ phiếu đầu tư	1.487.524.000	-
- Cổ phiếu DPM	*934.024.000*	-
- Cổ phiếu PVD	*553.500.000*	-
Tổng cộng	**4.732.504.993**	**5.884.803.676**

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(2.225.861.300)	-
Thanh lý cổ phiếu đầu tư	2.713.000.000	-
- Cổ phiếu DPM	1.838.000.000	-
- Cổ phiếu PVD	875.000.000	-
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	198.350.000	2.483.477.200
Lãi tiền vay	7.220.775.320	421.695.000
Chi phí tài chính khác	68.250.880	3.759.959
Tổng cộng	**7.974.514.900**	**2.908.932.159**

18. Chi phí bán hàng

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhân viên	501.992.000	69.853.000
Chi phí khấu hao	85.220.314	53.434.505
Chi phí bằng tiền khác	587.690.862	551.132.471
Tổng cộng	**1.174.903.176**	**674.419.976**

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhân viên quản lý	1.711.294.381	1.316.009.946
Chi phí vật liệu quản lý	247.502.437	149.093.737
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.019.387	50.495.230
Chi phí khấu hao	366.887.439	328.103.573
Thuế, phí và lệ phí	807.563.492	72.885.416
Chi phí trợ cấp mất việc làm	-	212.859.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.203.549.623	1.020.871.070
Chi phí bằng tiền khác	1.374.577.585	1.081.345.771
Tổng cộng	**6.730.394.344**	**4.231.664.372**

20. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh lý thiết bị, tài sản	3.952.227.098	6.543.192.728
Cho thuê thiết bị	653.118.316	30.000.000
Cho thuê nhà	245.615.682	199.291.160
Thu nhập do góp vốn vào bằng tài sản	-	347.268.702
Các khoản thu nhập khác	324.530.994	1.359.469.158
Tổng cộng	**5.175.492.090**	**8.479.221.748**

21. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh lý tài sản	3.437.711.229	6.271.846.053
Xử lý công nợ khó đòi	-	27.634.411
Chi phí khác	633.705.446	36.010.251
Tổng cộng	**4.071.416.675**	**6.335.490.715**

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động kinh doanh đất hạ tầng		
Doanh thu (a)	186.166.707.105	188.414.896.879
Giá vốn và chi phí (b)	154.336.576.828	164.249.764.064
Thu nhập chịu thuế (c) = (a) – (b)	31.830.130.277	24.165.132.815
Thuế TNDN (d) = (c) x Thuế suất thuế TNDN	7.957.532.569	6.766.237.188
Hoạt động xây lắp và khác		
Lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	5.845.399.037	1.228.434.558
Các khoản điều chỉnh giảm (2)	558.945.890	336.141.000
Thu nhập chịu thuế TNDN (3) = (1) - (2)	5.286.453.147	892.293.558
Thuế TNDN (4) = (3) x Thuế suất thuế TNDN	1.321.613.287	249.842.196
Thuế TNDN được miễn (5) = (4) x 50%	660.806.644	124.921.098
Thuế TNDN (6) = (4) – (5)	660.806.643	124.921.098
Tổng thuế TNDN : (A) = (d) + (6)	8.618.339.212	6.891.158.286
Thuế thu nhập được miễn theo NQ 03 (B)	2.585.501.764	516.836.871
Thuế TNDN còn phải nộp (C) = (A) – (B)	**6.032.837.448**	**6.374.321.415**

Ghi chú:

- Thuế suất thuế TNDN năm 2008 là 28% và năm 2009 giảm xuống còn 25%;
- Công ty được miễn 50% thuế TNDN do chính sách cổ phần hóa cho hoạt động xây lắp và khác, năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi này;
- Theo Nghị quyết 03 của CP thì năm 2008 công ty được giảm 30% thuế TNDN cho quý 4 và giảm 30% thuế TNDN cho cả năm 2009.

23. Thông tin các bên liên quan

I. Các bên liên quan

1. Đầu tư vào Công ty con:

- Công ty Cổ phần Indeco, tổng vốn đầu tư là 300.000.000.000 đồng; trong đó Công ty đầu tư với số vốn 153.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51%, số vốn thực góp tại ngày 31/12/2009 là 4.302.200.918 đồng.

- Công ty TNHH XD và Du lịch Mạnh Đạt, tổng vốn đầu tư là 80.000.000.000 đồng; trong đó Công ty đầu tư với số vốn 50.000.000.000, chiếm tỷ lệ 62,5%, số vốn thực góp tại ngày 31/12/2009 là 20.580.392.909 đồng.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Đông, tổng vốn đầu tư 5.000.000.000 đồng; trong đó Công ty đầu tư với số vốn 2.450.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%, Công đã góp vốn đủ tại ngày 31/12/2009.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc, tổng vốn đầu tư 7.000.000.000 đồng; trong đó Công ty góp vốn 3.430.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%, tại ngày 31/12/2009 số vốn thực góp là 1.536.364.950 đồng.

- Công ty Cổ phần Vàm Cỏ Tây, tổng vốn đầu tư 5.000.000.000 đồng; trong đó Công ty đầu tư 2.450.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%, tính đến ngày 31/12/2009 số vốn Công ty đã góp 1.723.307.905 đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương, tổng vốn đầu tư 12.000.000.000 đồng, trong đó Công ty đầu tư với số vốn 2.400.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 20%, tại ngày 31/12/2009 Công ty đã góp vốn đủ.

- Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Trí Việt, tổng vốn đầu tư 1.000.000.000 đồng, trong đó Công ty đầu tư với số vốn 300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 20%, tại ngày 31/12/2009 Công ty đã góp 150.000.00 đồng.

24. Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

Đối tượng	*Năm nay*	*Năm trước*
Thành viên Hội đồng quản trị	420.000.000	258.489.000
Ban giám đốc	785.127.000	610.108.000
Ban kiểm soát	31.200.000	26.511.000
Cộng	**1.236.327.000**	**895.108.000**

25. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ HỢP ĐỒNG GÓP VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức:

- Số hợp đồng 91/HĐHT-08, ngày ký hợp đồng 4/7/2008;
- Mục đích hợp tác: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án – khu Dân cư Trung tâm giai đoạn 2, Thị Trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
- Hình thức hợp tác đầu tư : Không hình thành pháp nhân và phân chia sản phẩm;
- Tỷ lệ vốn góp: Công ty 51% và Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức 49%;
- Tổng vốn góp dự kiến của dự án là 234.400.000.000 đồng;
- Tổng số vốn Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức đã góp là 33.538.148.384 đồng.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
159/14 đường Bạch Đằng, P.2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Tel: (848) 6293.6178 - Fax: (848) 3848.8550
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số: 10 - 2 - 33/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của
Công ty Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương và các công ty con
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương và các công ty con (gọi tắt là " Nhóm công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 27.

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tô Quang Tùng
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Tô Đình Hoài
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1174/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2010

B. Báo cáo tài chính sau hợp nhất:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	*Mã số*	*Thuyết minh*	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**464.805.450.800**	**399.641.220.856**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***		***7.876.085.863***	***25.586.490.069***
1. Tiền	111	3	7.876.085.863	25.586.490.069
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***	4	***1.656.034.100***	***6.676.522.800***
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.680.000.000	9.728.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.023.965.900)	(3.051.477.200)
III. Các khoản phải thu	***130***		***231.609.381.561***	***182.323.660.233***
1. Phải thu của khách hàng	131		157.467.172.140	144.119.740.615
2. Trả trước cho người bán	132		63.833.759.187	38.028.076.854
3. Các khoản phải thu khác	135		10.308.450.234	175.842.764
IV. Hàng tồn kho	***140***		***185.657.399.680***	***145.184.676.595***
1. Hàng tồn kho	140	5	185.657.399.680	145.184.676.595
V. Tài sản ngắn hạn khác	***150***		***38.006.549.596***	***39.869.871.159***
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	12.687.566
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.909.801.697	5.820.479
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	35.096.747.899	39.851.363.114
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**54.526.685.258**	**44.594.903.049**
I. Tài sản cố định	***220***		***39.359.641.014***	***34.726.816.281***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	34.589.841.014	10.293.602.830
- Nguyên giá	222		37.660.834.504	11.931.801.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.070.993.490)	(1.638.198.892)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	4.769.800.000	4.769.800.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	19.663.413.451
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	***250***		***9.273.476.220***	***8.793.045.644***
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	9.273.476.220	8.793.045.644
III. Tài sản dài hạn khác	***260***		***5.893.568.024***	***1.075.041.124***
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.893.568.024	1.075.041.124
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**519.332.136.058**	**444.236.123.905**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	*Mã số*	*Thuyết minh*	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**287.997.771.403**	**255.624.180.246**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***258.645.896.403***	***231.753.241.923***
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	125.492.981.088	15.686.664.124
2. Phải trả cho người bán	312		30.124.273.631	14.865.978.983
3. Người mua trả tiền trước	313		80.432.745.592	178.971.828.024
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	7.247.361.455	9.850.442.848
5. Phải trả người lao động	315		1.934.959.784	299.420.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	13.413.574.853	12.078.907.944
II. Nợ dài hạn	***330***		***29.351.875.000***	***23.870.938.323***
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	29.351.875.000	23.870.938.323
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	14	**231.334.364.655**	**188.611.943.659**
I. Vốn chủ sở hữu	***410***	***14***	***230.819.896.997***	***188.468.573.536***
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	100.147.530.000	100.147.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	14	64.808.506.000	64.808.506.000
3. Vốn khác	413	14	33.538.148.384	12.888.313.592
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	14	5.647.487.275	3.280.087.365
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	14	2.004.673.064	1.264.591.017
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	14	24.673.552.274	6.079.545.562
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	***430***		***514.467.658***	***143.370.123***
2. Quỹ khen thưởng và phúc lợi 3	431		514.467.658	143.370.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**519.332.136.058**	**444.236.123.905**

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	Năm nay	Năm trước
19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	277.031.112.960	270.754.201.984
20. Các khoản giảm trừ	03		-	-
21. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**277.031.112.960**	**270.754.201.984**
22. Giá vốn hàng bán	11	16	229.312.351.634	245.408.089.078
23. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**47.718.761.326**	**25.346.112.906**
24. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	4.228.016.838	5.659.097.676
25. Chi phí tài chính	22	18	7.976.754.745	2.908.932.159
- Trong đó: Lãi vay phải trả	*23*		*7.223.015.165*	*421.695.000*
26. Chi phí bán hàng	24	19	1.174.903.176	816.483.711
27. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	6.730.394.344	4.255.664.372
28. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**36.064.725.899**	**23.024.130.340**
29. Thu nhập khác	31	21	5.175.492.090	8.888.165.230
30. Chi phí khác	32	22	4.071.416.675	6.744.434.197
31. Lợi nhuận khác	**40**		**1.104.075.415**	**2.143.731.033**
32. Thu nhập từ công ty liên kết, liên doanh	**45**		**1.013.295.633**	**1.021.291.694**
33. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**38.182.096.947**	**26.189.153.067**
34. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	51	23	6.032.837.448	6.374.321.415
35. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
36. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**32.149.259.499**	**19.814.831.652**
37. Thu nhập sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
38. Thu nhập sau thuế của công ty mẹ	62		**32.149.259.499**	**19.814.831.652**
39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**3.219**	**2.387**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***38.182.096.947***	***26.189.153.067***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.997.663.733	1.133.620.044
- Các khoản dự phòng	03		(2.027.511.300)	2.479.613.170
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.852.182.600)	(6.676.629.411)
- Chi phí lãi vay	06		7.223.015.165	421.695.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***43.523.081.945***	***23.547.451.870***
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(47.676.826.704)	(127.145.102.654)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(20.809.309.634)	46.356.342.912
- Tăng /(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(91.610.438.395)	(35.576.366.687)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.805.839.334)	(400.944.350)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.223.015.165)	(397.695.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.555.403.822)	(7.954.038.129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.223.264.992	410.669.143
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(468.867.829)	(386.631.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(132.403.353.946)***	***(101.546.314.137)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
8. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(29.731.613.146)	(5.477.077.109)
9. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		3.952.227.098	6.543.192.728
10. iền chi cho vay, mua công cụ nợ của công ty khác	23		-	(5.000.000.000)
11. iền thu hồi cho vay, mua công cụ nợ của công ty khác	24		5.000.000.000	-
12. iền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.167.085.905)	(2.600.000.000)
13. iền thu góp vốn vào đơn vị khác	26		904.873.000	-
14. iền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		1.119.449.060	6.676.629.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(19.922.149.893)***	***142.745.030***

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		20.649.834.792	95.565.349.592
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		154.395.069.580	32.027.189.980
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.107.815.939)	(27.110.525.856)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.321.988.800)	(17.179.762.400)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	***40***		***134.615.099.633***	***83.302.251.316***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**(17.710.404.206)**	**(18.101.317.791)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	***60***		**25.586.490.069**	***43.687.807.860***
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	3	**7.876.085.863**	**25.586.490.069**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tiền mặt tại quỹ	746.195.171	334.622.372
Tiền gửi ngân hàng	7.129.890.692	25.251.867.697
Tổng cộng	**7.876.085.863**	**25.586.490.069**

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Đầu tư ngắn hạn	**2.680.000.000**	**9.728.000.000**
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	**-**	***5.000.000.000***
Đầu tư vào cổ phiếu	***2.680.000.000***	***4.728.000.000***
Cổ phiếu EXB	*660.000.000*	*660.000.000*
Cổ phiếu DPM	-	*1.838.000.000*
Cổ phiếu PVD	-	*875.000.000*
Cổ phiếu SSI	*1.355.000.000*	*1.355.000.000*
Cổ phiếu AAM	*665.000.000*	-
Dự phòng giảm giá cổ phiếu	**(1.023.965.900)**	**(3.051.477.200)**

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Cổ phiếu EXB	*(93.115.900)*	*(399.477.200)*
Cổ phiếu DPM	-	*(1.148.000.000)*
Cổ phiếu PVD	-	*(365.000.000)*
Cổ phiếu SSI	*(736.250.000)*	*(1.139.000.000)*
Cổ phiếu AAM	*(194.600.000)*	-
Tổng cộng	**1.656.034.100**	**6.676.522.800**

3. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Nguyên vật liệu	16.778.184	16.778.184
Công cụ dụng cụ	35.454.546	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	185.605.166.950	145.167.898.411
Các dự án phát triển khu đô thị và căn hộ	*169.996.245.976*	*123.669.261.014*
Các công trình xây dựng giao thông	*15.608.920.974*	*21.498.637.397*
Tổng cộng	**185.657.399.680**	**145.184.676.595**

4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tạm ứng	35.096.747.899	39.851.363.114
Tổng cộng	**35.096.747.899**	**39.851.363.114**

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Máy móc Thiết bị*	*Phương tiện Vận tải*	*Thiết bị, Dụng cụ Quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	5.918.299.139	248.694.820	5.454.024.109	310.783.654	11.931.801.722
Mua trong kỳ	-	15.471.377.363	14.260.235.783	-	29.731.613.146
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.975.053.091)	(27.527.273)	(4.002.580.364)
Số dư cuối kỳ	5.918.299.139	15.720.072.183	15.739.206.801	283.256.381	37.660.834.504
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	666.119.442	66.473.790	736.365.677	169.239.983	1.638.198.892
Khấu hao trong kỳ	216.123.472	729.636.965	1.004.057.368	47.845.928	1.997.663.733
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(537.341.862)	(27.527.273)	(564.869.135)
Số dư cuối kỳ	882.242.914	796.110.755	1.203.081.183	189.558.638	3.070.993.490
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	5.252.179.697	182.221.030	4.717.658.432	141.543.671	10.293.602.830
Tại ngày cuối kỳ	5.036.056.225	14.923.961.428	14.536.125.618	93.697.743	34.589.841.014

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài nên không tính khấu hao.

7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Tỷ lệ (%)	*Số tiền*	*Tỷ lệ (%)*	*Số tiền*
Công ty CP XD Công trình Miền Đông	49	3.128.987.318	72	3.176.340.149
Công ty CP ĐT & PT hạ tầng Kinh Bắc	49	1.302.037.725	47	1.459.671.574
Công ty TNHH XDCT Vàm Cỏ Tây	49	1.727.421.611	48	1.721.656.327
Công ty CPĐT & XD Thái Bình Dương	41	2.927.708.682	41	2.435.377.594
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Trí Việt	33	187.320.884	-	-
Tổng cộng		**9.273.476.220**		**8.793.045.644**

8. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Vay ngắn hạn	**55.802.042.765**	**2.686.664.124**
Vay cá nhân (a)	9.135.000.000	159.474.144
Công ty Tài Chính Cao Su (b)	14.500.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (c)	10.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (d)	5.567.042.765	2.527.189.980
Ngân hàng TMCP Nam Việt (e)	1.600.000.000	-
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Đức (f)	15.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 11)	**69.690.938.323**	**13.000.000.000**
Tổng cộng	**125.492.981.088**	**15.686.664.124**

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	1.805.904.592	6.384.689.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.398.399.963	3.391.437.652
Thuế thu nhập cá nhân	43.056.900	74.316.000
Tổng cộng	**7.247.361.455**	**9.850.442.848**

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Kinh phí công đoàn	36.487.446	78.940.546
Bảo hiểm y tế và xã hội	40.508.074	(4.909.148)
Phải trả phải nộp khác	13.336.579.333	12.004.876.546
Tổng cộng	**13.413.574.853**	**12.078.907.944**

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Vay dài hạn ngân hàng	**99.042.813.323**	**36.870.938.323**
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (a)	*6.690.938.323*	*16.870.938.323*
Công ty Tài chính Cao su (b)	*71.400.000.000*	*20.000.000.000*
Ngân hàng NN&PTNT – CN Miền Đông (c)	*5.951.875.000*	-
Ngân hàng Công Thương – CN Thủ Đức (d)	*15.000.000.000*	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	**(69.690.938.323)**	**(13.000.000.000)**
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (a)	*(6.690.938.323)*	*(9.000.000.000)*
Công ty tài Chính Cao Su (b)	*(69.000.000.000)*	*(4.000.000.000)*
Tổng cộng	**29.351.875.000**	**23.870.938.323**

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu và các quỹ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	*Nguồn vốn kinh doanh*	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Quỹ khen thưởng phúc lợi*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm	100.147.530.000	12.888.313.592	64.808.506.000	3.280.087.365	1.264.591.017	6.079.545.562	188.468.573.536
Tăng vốn khác (*)	-	20.649.834.792	-	-	-	-	20.649.834.792
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	32.149.259.499	32.149.259.499
Lợi nhuận tăng khác	-	-	-	-	-	1.013.487	1.013.487
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(555.061.535)	(555.061.535)
Trích các quỹ	-	-	-	2.367.399.910	740.082.047	(3.107.481.957)	-
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(186.200.000)	(186.200.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009	-	-	-	-	-	(8.011.802.400)	(8.011.802.400)
Chi phí giao tế của BGĐ	-	-	-	-	-	(633.245.034)	(633.245.034)
Truy thu thuế và nộp phạt	-	-	-	-	-	(774.125.386)	(774.125.386)
Giảm khác do hợp nhất	-	-	-	-	-	(288.349.962)	(288.349.962)
Số dư cuối năm	**100.147.530.000**	**33.538.148.384**	**64.808.506.000**	**5.647.487.275**	**2.004.673.064**	**24.673.552.274**	**230.819.896.997**

(*) Vốn góp của công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức trong dự án phát triển bất động sản tại thị xã Bến Lức, tỉnh Long An (xem tại thuyết minh số 25).

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾO THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chủ sở hữu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông I	5.250.000.000	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức	17.280.000.000	17.280.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt	7.930.000.000	7.680.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty cổ phần Tài chính Cao Su	5.800.000.000	10.800.000.000
Công ty chứng khoán Sài Gòn (SSI)	5.100.000.000	5.400.000.000
Cổ đông khác	55.187.530.000	49.087.530.000
Tổng cộng	**100.147.530.000**	**100.147.530.000**

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.014.753	10.014.753
- Cổ phiếu phổ thông	*10.014.753*	*10.014.753*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.014.753	10.014.753
- Cổ phiếu phổ thông	*10.014.753*	*10.014.753*

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Doanh thu hoạt động đất có hạ tầng	186.166.707.105	188.414.896.879
Doanh thu hoạt động xây lắp	85.532.969.047	81.479.132.415
Doanh thu hoạt động khác	5.331.436.808	860.172.690
Tổng cộng	**277.031.112.960**	**270.754.201.984**

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Giá vốn hoạt động đất hạ tầng	142.784.461.775	159.472.720.186
Giá vốn hoạt động xây lắp	81.330.143.197	85.241.259.937
Giá vốn hoạt động khác	5.197.746.662	694.108.955
Tổng cộng	**229.312.351.634**	**245.408.089.078**

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Lãi tiền gửi ngân hàng	760.185.589	4.970.226.117
Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.579.250.333	578.436.559
Cổ tức từ đầu tư cổ phiếu	39.553.600	110.435.000
Lãi sử dụng vốn	361.503.316	-
Thu nhập từ việc bán cổ phiếu đầu tư	1.487.524.000	-
Tổng cộng	**4.228.016.838**	**5.659.097.676**

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	198.350.000	2.483.477.200
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(2.225.861.300)	-
Lãi tiền vay	7.223.015.165	421.695.000
Thanh lý cổ phiếu đầu tư	2.713.000.000	-
Chi phí tài chính khác	68.250.880	3.759.959
Tổng cộng	**7.976.754.745**	**2.908.932.159**

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Chi phí nhân viên	501.992.000	93.853.000
Chi phí khấu hao	85.220.314	79.879.700
Chi phí bằng tiền khác	587.690.862	642.751.011
Tổng cộng	**1.174.903.176**	**816.483.711**

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Chi phí nhân viên quản lý	1.711.294.381	1.340.009.946
Chi phí vật liệu quản lý	247.502.437	149.093.737
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.019.387	50.495.230
Chi phí khấu hao	366.887.439	328.103.573
Thuế, phí và lệ phí	807.563.492	72.885.416
Chi phí trợ cấp mất việc làm	-	212.859.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.203.549.623	1.020.871.070
Chi phí bằng tiền khác	1.374.577.585	1.081.345.771
Tổng cộng	**6.730.394.344**	**4.255.664.372**

19. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Thanh lý thiết bị, tài sản	3.952.227.098	6.543.192.728
Cho thuê thiết bị	653.118.316	30.000.000
Cho thuê nhà	245.615.682	199.291.160
Thu nhập do góp vốn vào bằng tài sản	-	347.268.702
Các khoản thu nhập khác	324.530.994	1.768.412.640
Tổng cộng	**5.175.492.090**	**8.888.165.230**

20. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Thanh lý tài sản	3.437.711.229	6.271.846.053
Chi phí khác	633.705.446	472.588.144
Tổng cộng	**4.071.416.675**	**6.744.434.197**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	*Năm nay*	*Năm trước*
Thu nhập chịu thuế hoạt động chuyển nhượng đất (a)	31.830.130.277	24.165.132.815
Thuế suất thuế TNDN (b)	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (c) = (a) x (b)	7.957.532.569	6.766.237.188
Thu nhập chịu thuế hoạt động khác (d)	5.286.453.147	892.293.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp (e) = (d) x (b)	1.321.613.287	249.842.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (f) = (e) x 50%	660.806.644	124.921.098
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác (g) = (e) – (f)	660.806.644	124.921.098
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp (h) = (c) + (g)	**8.618.339.213**	**6.891.158.286**
Thuế thu nhập doanh nghiệm được giảm (i) = (h) x 30%	2.585.501.764	516.836.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (j) = (h) – (i)	**6.032.837.448**	**6.374.321.415**

- Thuế suất thuế TNDN năm 2008 là 28% và năm 2009 giảm xuống còn 25%;
- Công ty được miễn 50% thuế TNDN do chính sách cổ phần hóa cho hoạt động xây lắp và khác, năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi này;
- Theo Thông tư 03 ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ tài chính thì năm 2008 công ty được giảm 30% thuế TNDN cho quý 4 năm 2008 và cả năm 2009.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
159/14 đường Bạch Đằng, P.2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Tel: (848) 6293.6178 - Fax: (848) 3848.8550
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số: 10 - 2 - 33/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của
Công ty Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương và các công ty con
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương và các công ty con (gọi tắt là " Nhóm công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 27.

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Tô Quang Tùng Giám đốc chi nhánh Số đăng ký: 0270/KTV	Tô Đình Hoài Kiểm toán viên Số đăng ký: 1174/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2010

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 1: *Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty*

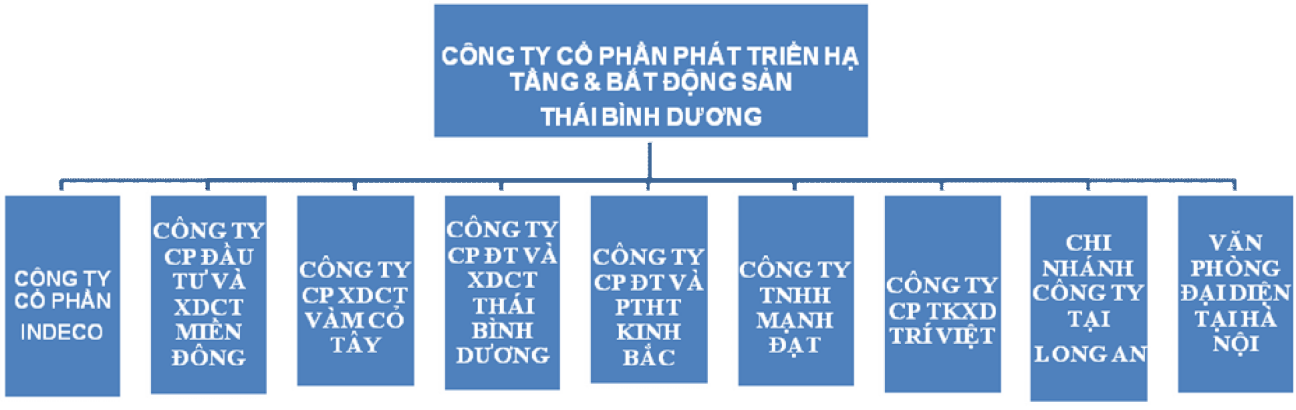

❖ **Các Công ty con PPI nắm giữ trên 50% Vốn Điều lệ:**

- ***Công ty Cổ phần INDECO***

Công ty Cổ phần INDECO là công ty con do PPI sở hữu 51% với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và được thành lập ngày 12/3/2008.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình cầu đường, cảng sông cảng biển, cảng hàng không, khu công nghiệp, giao thông trong và ngoài nước, thủy lợi, điện. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị. Đầu tư và xây dựng các công trình giao thông theo hình thức BOT, BT. Khai thác đá và khai thác các loại mỏ khác. Sản xuất vật liệu xây dựng chất lượng cao. Đào tạo cung ứng lao động. Dịch vụ thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình...

Hiện nay, Công ty cổ phần INDECO đang là chủ đầu tư khu biệt thự và du lịch sinh thái Ecovilas – Bình Dương và xúc tiến các bước thủ tục để đầu tư đường tỉnh 830 nối dài và khu công nghiệp Hòa Khánh Nam ở tỉnh Long An.

- ***Công ty TNHH Xây dựng & Du lịch Mạnh Đạt***

Công ty TNHH Xây dựng & Du lịch Mạnh Đạt là công ty con do PPI sở hữu 62,5% với vốn điều lệ là: 80 tỷ đồng và được thành lập ngày 16/10/2008.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình gồm Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị. Dịch vụ thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, mua bán vật tư thiết bị giao thông. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khách sạn, lữ hành. Trồng rừng, thu hoạch sản phẩm rừng, nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản….

Hiện nay, Công ty TNHH Xây dựng & Du lịch Mạnh Đạt là chủ đầu tư dự án Khu biệt thự nhà vườn, du lịch sinh thái và trồng rừng tại Thạch Thất – Hà Nội.

- ***Chi nhánh công ty tại Long An***

Chi nhánh tại Long An được thành lập ngày 29/7/2005 là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty PPI thực hiện chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty. Thực hiện thi công các công trình theo nhiệm vụ của công giao như công trình: Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp, thi công hạ tầng khu dân cư Bến Lức – Long An, đường tỉnh 839 Long An...

- ***Văn phòng đại diện công ty tại Hà Nội***

Văn phòng đại diện Công ty tại Hà Nội được thành lập ngày 29/3/2005 là đơn vị thực hiện chức năng thay mặt Công ty giao dịch với khách hàng tại khu vực phía bắc.

❖ **Các Công ty liên kết của PPI.**

- ***Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Vàm Cỏ Tây***

Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Vàm Cỏ Tây là công ty thành viên do PPI sở hữu 49% với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và được thành lập ngày 06/9/2007.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị. Dịch vụ thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, mua bán vật tư thiết bị giao thông. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khách sạn, lữ hành….

Hiện nay, Công ty cổ phần Xây dựng công trình Vàm Cỏ Tây đang triển khai thi công các gói thầu: Đường tỉnh 838 Long An, đường tỉnh 721 Lâm Đồng.

- ***Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng công trình Miền Đông***

Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình Miền Đông được thành lập ngày 31/1/2007, là công ty thành viên do Công ty PPI sở hữu 49% với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị. Dịch vụ thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, mua bán vật tư thiết bị giao thông. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khách sạn, lữ hành….

Hiện nay, Công ty cổ phần xây dựng công trình Miền Đông đang thi công các công trình như: Đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương, đường N2 đoạn Củ Chi - Đức Hòa - Thạnh Hóa - Mỹ An, gói thầu số 10 san lấp mặt bằng khu công nghiệp Tân Phú Trung.

- ***Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương***

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Thái Bình Dương là công ty thành viên do PPI sở hữu 20% với vốn điều lệ là 12 tỷ đồng và được thành lập ngày 24/4/2008.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị. Dịch vụ thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, mua bán vật tư thiết bị giao thông….

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Thái Bình Dương đang triển khai thi công các gói thầu: Đường tỉnh 838 Long An, đường tỉnh 742 Bình Dương, đường tỉnh 721 Lâm Đồng.

- ***Công ty Cổ phần thiết kế xây dựng Trí Việt***

Công ty Cổ phần thiết kế xây dựng Trí Việt là công ty thành viên do PPI sở hữu 30% với vốn điều lệ là 1 tỷ đồng và được thành lập ngày 03/7/2009.

Ngành nghề kinh doanh: Thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu đường bộ, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công công trình giao thông. Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, nhà các loại. Sản xuất vật liệu xây dựng….

Hiện nay, Cổ phần thiết kế xây dựng Trí Việt đang triển khai thiết kế, giám sát các dự án do PPI làm chủ đầu tư và đang liên doanh liên kết với các đơn vị bạn để lập thiết kế, lập dự án đầu tư các dự án.

- ***Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Kinh Bắc***

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Kinh Bắc là công ty thành viên do Công ty PPI sở hữu 49% với vốn điều lệ là 7 tỷ đồng và được thành lập ngày 10/08/2007.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình hạng mục nhà ở cao tầng; xây dựng công trình kỹ thuật, kết cấu công trình công trình dân dụng, công nghiệp, giao đầu tư các công trình giao thông theo hình thức BOT, BT, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị. Khai thác đá và các loại mỏ khác. Kinh doanh khách sạn, lữ hành,….

Hiện nay, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Kinh Bắc thi công các công trình mà Công ty PPI trúng thầu tại khu vực phía Bắc như công trình: đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đường Hồ Chí Minh đọan Xuân Mai.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Hình 2: *Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty*

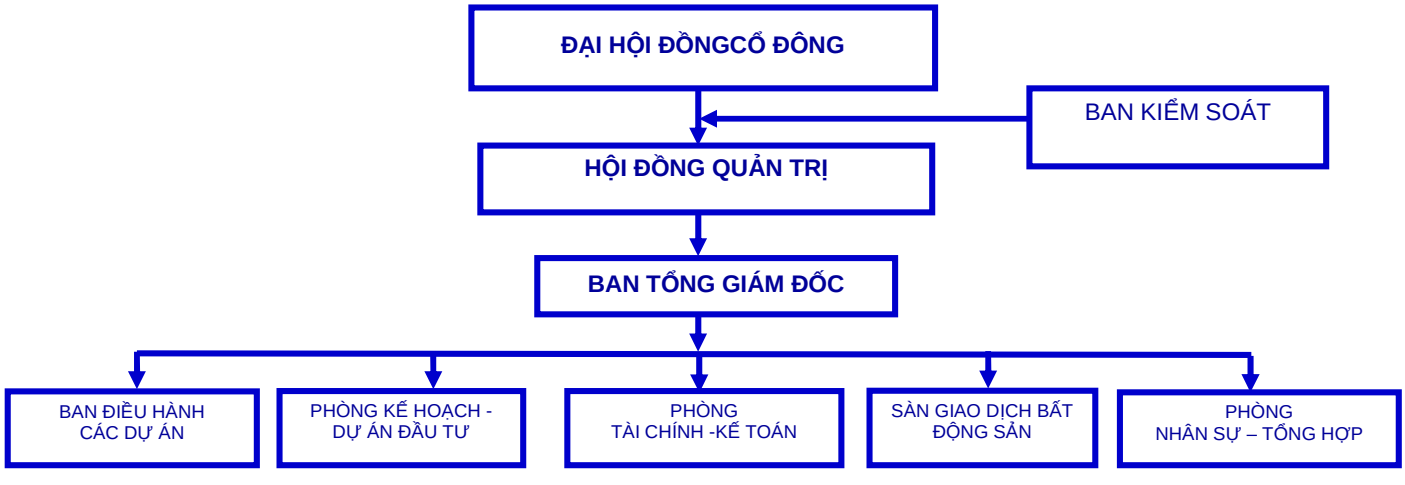

Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị

1) Tổng giám đốc – Ông PHẠM ĐỨC TẤN

1. Họ và tên: **Phạm Đức Tấn**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 01/07/1945
4. Số CMND: 023451654 Ngày cấp: 30/08/2007 Nơi cấp: CA Tp.HCM
5. Nơi sinh: Hà Nội
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Thái Bình
9. Địa chỉ thường trú: 20/3 Đinh Bộ Lĩnh - P.24- Q. Bình Thạnh - Tp. Hồ Chí Minh
10. Số điện thoại liên lạc: 08 37269701
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng
13. Quá trình công tác:

    1980-1987: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng công trình 120 – Cienco1

    1987-2004: Giám đốc Chi nhánh Công ty XDCT 120, Giám đốc Công ty XDCT 135 – Cienco1

    Năm 2004 – đến nay Chủ tịch HĐQT- kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP ĐT&XDCT 135 (nay là: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương).
14. Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT – kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương.
15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

    Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần INDECO;

    Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Vàm Cỏ Tây;

    Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Xây dựng công trình Miền Đông

    Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương
16. Số cổ phần nắm giữ:

    Đại diện sở hữu: 0 CP chiếm, 0 % tổng số lượng CP đang lưu hành

    Cá nhân sở hữu: 800.000CP chiếm,7,99 % tổng số lượng CP đang lưu hành
17. Số cổ phần của những người có liên quan:

Phạm Thị Lan Hương: Quan hệ: Con

Số lượng CP sở hữu: 14.392 CP, chiếm 0,14% tổng số lượng CP đang lưu hành

Phạm Đức Trung: Quan hệ: Con

Số lượng CP sở hữu:10.692 CP, chiếm 0,11% tổng số lượng CP đang lưu hành

Phạm Thị Thủy: Quan hệ: Em

Số lượng CP sở hữu: 348.370 CP, chiếm 3,48% tổng số lượng CP đang lưu hành

17. Các khoản nợ đối với công ty: Không

18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2) Phó tổng giám đốc – Ông ĐẶNG VĂN PHÚC

1. Họ và tên:	**Đặng Văn Phúc**
2. Giới tính:	Nam
3. Ngày tháng năm sinh:	01/06/1972
4. Số CMND:	024937922 Ngày cấp: 02/07/2008 Nơi cấp: CA Tp.HCM
5. Nơi sinh:	Nam Trực, Nam Hồng, Nam Định
6. Quốc tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Nam Định
9. Địa chỉ thường trú:	52/11 đường 12, KP4,P.Tam Bình, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
10. Số điện thoại liên lạc:	0903846365
11. Trình độ văn hoá:	12/12
12. Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ –kinh tế (MBA)

13. Quá trình công tác:

1995-1999 kế toán Chi nhánh Công ty XDCT 120

2000-2004 Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty XDCT giao thông 135.

2004- đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP ĐT&XDCT 135 (nay là: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương)

14. Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT – kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương.

15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc - Công ty CP đầu tư và XDCT Thái Bình Dương.

16. Số cổ phần nắm giữ:

Đại diện sở hữu: 0 CP chiếm, 0 % tổng số lượng CP đang lưu hành

Cá nhân sở hữu: 160.404CP chiếm,1,6 % tổng số lượng CP đang lưu hành

17. Số cổ phần của những người có liên quan: Không

18. Các khoản nợ đối với công ty: Không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3) Phó Tổng giám đốc – PHAN ANH DŨNG

1. Họ và tên: **Phan Anh Dũng**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 21/9/1975

4. Số CMND: 024368406 Ngày cấp: 20/11/07 Nơi cấp: CA Tp.HCM

5. Nơi sinh: Hà Tĩnh

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Đức Thủy – Đức Thọ - Hà Tĩnh

9. Địa chỉ thường trú: 239/7E1 Điện Biên Phủ - Phường 15 – Bình Thạnh – Tp. HCM

10. Số điện thoại liên lạc: 08 37262537

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu hầm – Thạc sỹ kỹ thuật

13. Quá trình công tác:

- 1997 - 1999: Cán bộ kỹ thuật Công ty Cầu 12, Chi nhánh Công ty XDCT 120 – Cienco1.
- 1999 - 2000: Phó ban Kinh tế kỹ thuật chi nhánh Công ty XDCT 120.
- 2000 - 2002: Trưởng ban Kinh tế kỹ thuật chi nhánh Công ty XDCT 120.
- 2002 - 2003: Phó Giám đốc chi nhánh Công ty XDCT 120.
- 2003 đến nay: Phó Tổng Giám đốc -Công ty CP Đầu tư & XDCT 135 (nay là: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương).
- 2004 - 2006: Giám đốc điều hành dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua rừng Quốc gia Cúc Phương thuộc Cienco1.

14. Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương,

15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Kinh Bắc

Giám đốc - Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Vàm Cỏ Tây

16. Số cổ phần nắm giữ:

Đại diện sở hữu: 0 CP chiếm,0 % tổng số lượng CP đang lưu hành

Cá nhân sở hữu: 80.186 CP chiếm 0,8 % tổng số lượng CP đang lưu hành

17. Số cổ phần của những người có liên quan: Không

18. Các khoản nợ đối với công ty: Không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4) Phó Tổng giám đốc – ĐẶNG XUÂN HÙNG

1. Họ và tên: **Đặng Xuân Hùng**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 21/9/1974

4. Số CMND: 025008162 Ngày cấp: 08/07/2008 Nơi cấp: CA.TP. HCM

5. Nơi sinh: Hải Phòng

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Hà Tĩnh

9. Địa chỉ thường trú: 22/2 đường 50 khu phố 8 – P. Hiệp Bình Chánh – Q. Thủ Đức – Tp. HCM

10. Số điện thoại liên lạc: 0903011446

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường

13. Quá trình công tác:

1997 – 1999: Cán bộ kỹ thuật – Chi nhánh công ty XDCT 120

1999-2003: Phó ban KTKT – Chi nhánh công ty XDCT 120

2003-2005: Trưởng phòng KTKT – Công ty CP đầu tư và XDCT 135

2005- nay: Phó tổng giám đốc – Công ty CP đầu tư và XDCT 135 (nay là: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương)

14. Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương,

15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc - Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình Miền Đông

16. Số cổ phần nắm giữ:

Đại diện sở hữu: 0 CP chiếm 0 % tổng số lượng CP đang lưu hành

Cá nhân sở hữu: 40.000CP chiếm 0,4 % tổng số lượng CP đang lưu hành

17. Số cổ phần của những người có liên quan: Không

18. Các khoản nợ đối với công ty: Không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5) Phó Tổng giám đốc – TRẦN ANH TUẤN

1. Họ và tên: **Trần Anh Tuấn**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 21/4/1960

4. Số CMND: 024032771 Ngày cấp: 05/07/02 Nơi cấp: CA. Tp. HCM

5. Nơi sinh: Hà Tây

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Nghệ An

9. Địa chỉ thường trú: 52/13, đường 12 – Khu phố 4 – Tam Bình – Thủ Đức – Tp. Hồ Chí Minh

10. Số điện thoại liên lạc:0903911448

11. Trình độ văn hoá: 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng.

13. Quá trình công tác:

1978-1983: Học Đại học giao thông vận tải – Hà Nội.

1983-10/1984: Phó phụ trách phòng kế hoạch kỹ thuật Xí nghiệp khai thác đá 722-Khu đường bộ 7.

10/1984-2/1985: Ban điều hành công trường – Xí nghiệp đường 73 -Khu đường bộ 7.

2/1985-4/1990: Kế tóan trưởng – Xí nghiệp đường 73 -Khu đường bộ 7

4/1990-5/1996: Kế tóan trưởng – Công ty QLĐB 71 -Khu đường bộ 7

6/1996-4/2002: Chuyên viên chính phòng KHĐT – Khu đường bộ 7.

5/2002-6/2008: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch – Ban QLDA đường bộ 7.

7/2008- đến nay: Phó Tổng giám đốc -Công ty CP ĐT&XDCT 135 (nay là: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương).

14. Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương.

15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐTV - Công ty TNHH Xây dựng & Du lịch Mạnh Đạt

Chủ tịch HĐQT - Công ty CP thiết kế xây dựng Trí Việt

Giám đốc - Công ty cổ phần INDECO

16. Số cổ phần nắm giữ:

Đại diện sở hữu: 0CP chiếm, 0 % tổng số lượng CP đang lưu hành

Cá nhân sở hữu: 30.000CP chiếm 0,3 % tổng số lượng CP đang lưu hành

17. Số cổ phần của những người có liên quan:

Nguyễn Thị Thanh Xuân: Quan hệ: Vợ

Số lượng CP sở hữu: 1.093 CP, chiếm 0,01% tổng số lượng CP đang lưu hành

18. Các khoản nợ đối với công ty: Không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

6) Kế toán trưởng –TÔ THỊ THÚY HÀ

1. Họ và tên: **Tô Thị Thúy Hà**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày tháng năm sinh: 22/09/1967

4. Số CMND: 021582594 Ngày cấp: 24/04/00 Nơi cấp: CA TP HCM

5. Nơi sinh: Thanh Hóa

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Kiên Giang

9. Địa chỉ thường trú: 51 C Huỳnh Khương Ninh- P. Đakao - Q.1- Tp. Hồ Chí Minh

10. Số điện thoại liên lạc: 08.37266581

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

13. Quá trình công tác:

1989 - 10/2004: Kế toán – Công ty Xuất nhập khẩu Lâm nông sản Sài Gòn

11/2004 - 6/2005: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Long Tòan

07/2005-09/2007: Kế toán - Công ty CP ĐT&XDCT 135.

10/2007- Nay: Kế toán trưởng Công ty CP đầu tư & XDCT 135 (nay là: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương).

14. Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng & Bất động sản Thái Bình Dương.

15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:Không

16. Số cổ phần nắm giữ:

Đại diện sở hữu: 0 CP chiếm 0 % tổng số lượng CP đang lưu hành

Cá nhân sở hữu: 29.676CP chiếm 0,3 % tổng số lượng CP đang lưu hành

17. Số cổ phần của những người có liên quan: Không

18. Các khoản nợ đối với công ty: Không

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNGTY

Thành viên Hội đồng quản tri và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2009:

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Đức Tấn	Chủ tịch HĐQT	Tham gia điều hành
2	Đặng Văn Phúc	Thành viên HĐQT	Tham gia điều hành
3	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Thành viên HĐQT	Độc lập không điều hành
4	Đoàn Đức Vịnh	Thành viên HĐQT	Độc lập không điều hành
5	Vương Đáng	Thành viên HĐQT	Độc lập không điều hành

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị đã thực hiện tổng cộng 19 phiên họp; trong đó có 4 phiên họp định kỳ hàng quý và 15 phiên họp bất thường. Trong các phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự đầy đủ, ngoài ra còn có sự góp mặt của các thành viên Ban kiểm soát. Các quyết định thông qua tại các phiên họp Hội đồng quản trị đều được tất cả các thành viên nhất trí cao. Hội đồng quản trị đã ban hành tổng cộng 25 nghị quyết, quyết định để chỉ đạo thực hiện các vấn đề sau:

1. Công tác tổ chức

Hội đồng quản trị đã thực hiện tổ chức sắp xếp lại một số phòng ban trong Công ty, hoàn thiện và củng cố các công ty con – công ty thành viên để hoạt động có hiệu quả hơn.

Định hướng công tác nhân sự và nguồn nhân lực.

2. Quản trị đầu tư

Luôn luôn nghiên cứu nắm bắt tình hình thị trường để ra các quyết định, chủ trương, chiến lược kinh doanh phù hợp với biến động của nền kinh tế và tình hình hoạt động của Công ty.

Xem xét phê duyệt các dự án đầu tư và nguồn vốn, nhằm đảm bảo các dự án có tính khả thi và hiệu quả cao nhất.

Theo dõi và chỉ đạo sát sao Ban Tổng giám đốc trong việc huy động và cân đối nguồn vốn để thực hiện các dự án, đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra.

3. Công tác giám sát quản lý điều hành

Thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý; thường xuyên rà soát, phân tích các báo cáo tình hình hoạt động của Công ty nhằm kiểm soát chặt chẽ chi

phí, tiến độ triển khai thực hiện các dự án, ngăn chặn và hạn chế rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tham dự tất cả các buổi họp giao ban của Ban điều hành để chỉ đạo thực hiện và khắc phục kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

4. Công tác niêm yết cổ phiếu PPI tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM

Chỉ đạo và giám sát chặt chẽ việc hoàn thiện các điều kiện để niêm yết cổ phiếu PPI tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 12/11/2009 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chứng nhận Công ty là công ty đại chúng. Đến nay, Công ty đã hoàn tất việc nộp hồ sơ niêm yết cho Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh thẩm định phê duyệt. Dự kiến ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu PPI tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh là ngày 12/4/2010 với mã chứng khoán là PPI.

5. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cuối năm 2009, Công ty đã tạm ứng thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với tổng thù lao chi trả là 451.200.000 đồng (chiếm 1,4% lợi nhuận sau thuế) thấp hơn mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 cho phép (1,5% lợi nhuận sau thuế).

Trong năm 2009, Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về việc trích 5% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch của năm 2009 để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm sóat, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác trong năm 2009. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội phê duyệt số tiền này theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 sẽ được đệ trình.

6. Triển khai việc tăng vốn điều lệ từ 90 tỷ lên 150 tỷ đồng

Năm 2008, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thống nhất thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ từ 90 tỷ đồng thành 150 tỷ đồng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn phương án tăng vốn cụ thể, giá bán và thời điểm chào bán thích hợp. Đến cuối năm 2008 Công ty đã thực hiện xong giai đoạn 1 nâng vốn điều lệ thực góp từ 90 tỷ thành 100 tỷ đồng. Sang năm 2009, do điều kiện kinh tế khó khăn nên việc chào bán để tiếp tục tăng vốn chưa thể thực hiện được.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ đã quy định trong điều lệ Công ty và trong Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát trong năm 2009 đã kiểm tra giám sát tình hình tài chính và hoạt động của Công ty, công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, cũng như việc tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2009, Ban kiểm soát đã hoàn thành công việc của mình với sự phối hợp tốt từ Ban điều hành. Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, được tiếp cận và cung cấp đầy đủ các thông tin theo yêu cầu để phục vụ công việc.

Nhìn chung, mọi hoạt động trong Công ty đều tuân thủ đúng luật pháp và điều lệ Công ty.

Trong năm 2010, Ban kiểm soát tiếp tục chú trọng theo dõi giám sát tình hình triển khai các dự án bất động sản và các công trình giao thông trọng điểm; công tác quản lý tài chính toàn Công ty, nhất là tình hình chi tiêu trong công tác quản lý; xem xét kiểm soát các báo cáo tài chính định kỳ quý, 6 tháng và cả năm; cũng như tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để thực hiện tốt chức năng của mình, đảm bảo hoạt động an toàn lành mạnh cho toàn Công ty.

1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức danh	SLCK sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ/ VĐL
1	Phạm Đức Tấn	Chủ tịch	800.000	7,99%
2	Đặng Văn Phúc	Thành viên	160.404	1,60%
3	Đoàn Đức Vịnh	Thành viên	70.000	0,70%
4	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Thành viên	1.794.000	17,91%
5	Vương Đáng	Thành viên	580.000	5,79%

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Cơ cấu vốn điều lệ thời điểm 11/01/2010 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
A. Cổ đông Nhà nước	**1**	**525.000**	**5,24%**
B. Cổ đông trong Công ty	**47**	**4.863.033**	**48,56%**
- Cổ đông hội đồng quản trị	6	3.0448.404	33,99%
- Ban Tổng Giám đốc	3	150.186	1,50%
- Ban Kiểm soát	3	16.660	0,17%
- Kế toán trưởng	1	29.676	0,30%
- Cán bộ CNV	34	1.328.107	13,26%
C. Cổ đông ngoài Công ty	**137**	**4.560.720**	**45,54%**
- Cổ đông trong nước	**135**	**4.505.720**	**44,99%**
+ Cá nhân	129	2.062.720	20,60%
+ Tổ chức	6	2.443.000	24,39%
- Cổ đông nước ngoài	**2**	**55.000**	**0,55%**
+ Cá nhân	2	55.000	0,55%
+ Tổ chức	0	0	0,00%
Tổng cộng (A+B+C)	**185**	**10.014.753**	**100,00%**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 11/01/2010

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ %
1	Tổng công ty XDCT giao thông 1 (CIENCO1). Đại diện phần vốn NN: Nguyễn Mậu Ngọ	Tòa nhà 623 La Thành, Ba Đình- Hà Nội	525.000	5,24%
2	Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức. Đại diện: Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	384 Võ Văn Ngân – Phường Bình Thọ- Q. Thủ Đức - Tp.HCM	1.728.000	17,25%
3	Công ty Cp Chứng khoán Sài Gòn. Đại diện: Nguyễn Hồng Nam.	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	510.000	5,09%
4	Công ty TNHH một thành viên Tài chính Cao su. Đại diện: Vương Đáng	210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.6, Q.3, Tp. HCM	580.000	5,79%

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ %
5	Công ty Cp Âu Việt. Đại diện: Nguyễn Thanh Hải.	194 Nguyễn Công Trú, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	793.000	7,92%
6	Phạm Đức Tấn	20/3 Đinh Bộ Lĩnh -F24 - Q.Bình Thạnh -Tp. HCM	800.000	7,99%
TỔNG CỘNG			**4.936.000**	**49,29%**

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại thời điểm 11/01/2010

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ %
1	Tổng công ty XDCT giao thông 1 (CIENCO1). Đại diện phần vốn NN: Nguyễn Mậu Ngọ	Tòa nhà 623 La Thành, Ba Đình- Hà Nội	525.000	5,24%
2	Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức. Đại diện: Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	384 Võ Văn Ngân – Phường Bình Thọ- Q. Thủ Đức - Tp.HCM	1.728.000	17,25%
3	Công ty CP đầu tư Kim Cương (PARAGON). Đại diện: Hoàng Đức Hoà	1C Tân Hòa Đông, P.13, Q.6	360.000	3,59%
4	Công ty Cp Âu Việt. Đại diện: Nguyễn Thanh Hải.	194 Nguyễn Công Trú, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	793.000	7,92%
5	Phạm Đức Tấn	20/3 Đinh Bộ Lĩnh -F24 - Q.Bình Thạnh -Tp. HCM	800.000	7,99%
6	Đặng Văn Phúc	52/11 đường 12 Khu phố 4, P.Tam Bình Q. Thủ Đức	160.404	1,60%
	Và 35 cổ đông khác:		1.274.533	12,73%
TỔNG CỘNG			**5.640.937**	**56,33%**

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN THÁI BÌNH DƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc

Phạm Đức Tấn